

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢNG CÁO VÀ HỘI CHỢ THƯƠNG MẠI
VINEXAD

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	06 - 26
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103010028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu số 0100108007 ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 9 Đinh Lễ, phường Tráng Tiên, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phạm Quỳnh Giang	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Khắc Luận	Phó chủ tịch
Ông: Đinh Văn Khải	Thành viên
Ông: Trịnh Xuân Tuấn	Thành viên
Bà: Nguyễn Thu Hồng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Khắc Luận	Tổng Giám đốc
Ông: Đinh Văn Khải	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Nguyễn Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Phạm Đăng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Bà: Nguyễn Tuyết Mai	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Vũ Đăng Khoa	Trưởng ban
Bà: Huỳnh Thị Thúy Nga	Thành viên
Bà: Huỳnh Thị Ngọc Châu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính tổng hợp cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023



Số: 17/2023/ASCO

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính tổng hợp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được lập ngày 15 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 25 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận thu nhập từ khoản người mua trả tiền trước số tiền 1.589.097.600 VND phát sinh từ năm 2019, đến thời điểm thực hiện xử lý khoản nợ này Công ty không thể xác định được chủ nợ của khoản công nợ này. Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 22 tháng 02 năm 2022.

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO



Phạm Ngọc Quân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4493-2019-149-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2023

Phan Đình Dũng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4887-2019-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		65.017.462.014	45.795.636.302
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	14.912.249.593	7.501.630.090
111	1. Tiền		14.912.249.593	7.501.630.090
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	39.000.000.000	25.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		39.000.000.000	25.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.488.395.969	4.145.628.603
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	2.004.305.213	883.001.780
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	322.675.666	1.679.410.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	08	2.161.415.090	1.583.216.823
140	IV. Hàng tồn kho	09	6.346.596.159	9.090.146.987
141	1. Hàng tồn kho		6.346.596.159	9.090.146.987
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		270.220.293	58.230.622
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	63.453.454	18.816.000
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	206.766.839	39.414.622
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.929.160.798	5.612.377.423
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		350.000.000	350.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	350.000.000	350.000.000
220	II. Tài sản cố định		4.527.404.586	5.251.502.423
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.513.904.586	5.227.202.423
222	- Nguyên giá		15.318.836.379	15.318.836.379
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.804.931.793)	(10.091.633.956)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	13.500.000	24.300.000
228	- Nguyên giá		54.000.000	54.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.500.000)	(29.700.000)
260	III. Tài sản dài hạn khác		51.756.212	10.875.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	51.756.212	10.875.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		69.946.622.812	51.408.013.725

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		28.478.859.593	23.393.357.030
310	I. Nợ ngắn hạn		28.478.859.593	23.393.357.030
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	379.225.855	300.920.982
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	9.047.276.385	7.539.733.840
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.853.197.386	407.256.008
314	4. Phải trả người lao động		636.000.000	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		55.000.000	55.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	262.478.171	568.021.137
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	6.505.495.329	6.806.884.451
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		22.640.000	22.640.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		7.717.546.467	7.692.900.612
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		41.467.763.219	28.014.656.695
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	41.467.763.219	28.014.656.695
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		12.249.480.000	12.249.480.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		12.249.480.000	12.249.480.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		520.000	520.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.222.720.689	14.222.720.689
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.995.042.530	1.541.936.006
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		54.226.041	54.226.041
421b	LNST chưa phân phối năm nay		14.940.816.489	1.487.709.965
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		69.946.622.812	51.408.013.725

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Bùi Thu Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022		Năm 2021	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	141.933.363.368		22.557.205.616	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-		-	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		141.933.363.368		22.557.205.616	
11	4. Giá vốn hàng bán	21	111.812.736.540		15.823.486.362	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.120.626.828		6.733.719.254	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.633.682.542		948.708.736	
22	7. Chi phí tài chính	23	-		126.505.549	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-		-	
25	8. Chi phí bán hàng		-		-	
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	14.657.184.512		6.287.819.086	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.097.124.858		1.268.103.355	
31	11. Thu nhập khác	25	1.743.361.174		618.803.996	
32	12. Chi phí khác	26	238.100.522		399.921	
40	13. Lợi nhuận khác		1.505.260.652		618.404.075	
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.602.385.510		1.886.507.430	
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	3.431.956.442		392.145.822	
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-		-	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.170.429.068		1.494.361.608	
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	12.385		1.005	
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	12.385		1.005	

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Bùi Thu Huyền

Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Khắc Luận

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.602.385.510	1.886.507.430
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(909.584.705)	(45.052.813)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		724.097.837	758.657.228
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(230.727.159)	126.505.549
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.402.955.383)	(930.215.590)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.692.800.805	1.841.454.617
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		83.880.417	(655.408.448)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2.743.550.828	169.495.029
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		3.028.900.266	(6.507.028.932)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(85.518.666)	15.309.000
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.688.244.616)	(324.440.577)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		58.632.037	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(238.116.110)	(1.025.495.348)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.595.884.961	(6.486.114.659)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(74.740.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(43.000.000.000)	(3.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		29.000.000.000	3.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		808.955.383	983.065.590
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(13.191.044.617)	908.325.590

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	I. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.224.948.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.224.948.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		7.179.892.344	(5.577.789.069)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.501.630.090	13.205.924.708
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		230.727.159	(126.505.549)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>14.912.249.593</u>	<u>7.501.630.090</u>

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thu Huyền

Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Khắc Luận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ Thương mại Vinexad được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103010028 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 04 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ sáu số 0100108007 ngày 17 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 9 Đinh Lễ, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 12.249.480.000 đồng; tương đương 1.224.948 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

- Tổ chức hội chợ - triển lãm hội nghị và các sự kiện hàng đầu Việt Nam;
- Xây dựng, thực hiện chương trình quảng cáo trên mọi hình thức;
- Truyền thông - PR - Marketing;
- Bất động sản và văn phòng cho thuê.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Tổ chức giới thiệu, xúc tiến thương mại, chi tiết: Hội trợ triển lãm thương mại; dịch vụ tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo và hợp tác đầu tư; xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: Địa chỉ

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quảng cáo và Hội chợ thương mại Vinexad 1202 tầng 12 tòa nhà Đông Dương, số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính

Tổ chức hội chợ - triển lãm hội nghị và các sự kiện; Quảng cáo.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Chi nhánh Công ty và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: Tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

2.13. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	807.347.182	450.644.357
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.104.902.411	7.050.985.733
	14.912.249.593	7.501.630.090

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	39.000.000.000	-	25.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	39.000.000.000	-	25.000.000.000	-
	39.000.000.000	-	25.000.000.000	-

(i) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,9% đến 8,1%.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Khách hàng hội chợ Điện tử & thiết bị thông Minh	1.380.436.947	-	-	-
- Khách hàng thuê văn phòng	25.624.400	-	93.534.400	-
- Khách hàng thuê biển Quảng cáo	31.320.000	-	144.130.600	-
- Khách hàng triển lãm Sức khỏe	-	-	142.000.000	-
- Khách hàng triển lãm xe đạp thể thao	29.827.006	-	30.111.780	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	537.096.860	-	473.225.000	-
	2.004.305.213	-	883.001.780	-

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hội chợ điện tử và thiết bị thông minh	177.858.300	-	-	-
- Triển lãm y dược Sài Gòn	-	-	792.000.000	-
- Hội chợ thực phẩm Sài Gòn	-	-	792.000.000	-
- Khác	144.817.366	-	95.410.000	-
	322.675.666	-	1.679.410.000	-

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Tạm ứng	692.548.448	-	708.850.181	-
- Lãi tiền gửi Ngân hàng	859.150.000	-	265.150.000	-
- Phải thu đối tượng khác	609.716.642	-	609.216.642	-
	2.161.415.090	-	1.583.216.823	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	350.000.000	-	350.000.000	-
	350.000.000	-	350.000.000	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.346.596.159	-	9.090.146.987	-
	6.346.596.159	-	9.090.146.987	-

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.283.675.683	407.747.444	3.627.413.252	15.318.836.379
Số dư cuối năm	11.283.675.683	407.747.444	3.627.413.252	15.318.836.379
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	7.818.969.961	324.825.744	1.947.838.251	10.091.633.956
- Khấu hao trong năm	356.528.837	20.701.000	336.068.000	713.297.837
Số dư cuối năm	8.175.498.798	345.526.744	2.283.906.251	10.804.931.793
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	3.464.705.722	82.921.700	1.679.575.001	5.227.202.423
Tại ngày cuối năm	3.108.176.885	62.220.700	1.343.507.001	4.513.904.586

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.871.636.970 VND
- Nguyên giá TSCĐ đầu năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 567.240.696 VND

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	54.000.000	54.000.000
Số dư cuối năm	54.000.000	54.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	29.700.000	29.700.000
- Khấu hao trong năm	10.800.000	10.800.000
Số dư cuối năm	40.500.000	40.500.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	24.300.000	24.300.000
Tại ngày cuối năm	13.500.000	13.500.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuê máy chủ hosting	36.000.000	-
- Các khoản khác	27.453.454	18.816.000
	63.453.454	18.816.000
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ	51.756.212	10.875.000
	51.756.212	10.875.000

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Hội chợ điện tử và thiết bị thông minh	331.632.000	331.632.000	-	-
- Biên quảng cáo	-	-	95.444.982	95.444.982
- Dịch vụ B2B hội chợ thực phẩm	-	-	20.626.000	20.626.000
- Khác	47.593.855	47.593.855	184.850.000	184.850.000
	379.225.855	379.225.855	300.920.982	300.920.982

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Khách hàng thuê Văn phòng	166.417.375	137.526.000
- Khách hàng triển lãm Mẹ và bé tại TP. Hồ Chí Minh	1.826.429.440	1.091.428.617
- Khách hàng triển lãm Vật liệu Trung Quốc	477.065.504	-
- Khách hàng hội trợ Expo tại Hà Nội	589.900.411	660.923.711
- Khách hàng hội trợ Thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh	878.075.090	1.290.723.600
- Hội chợ triển lãm nguồn cung toàn cầu	3.498.961.195	-
- Hội chợ Y dược Sài Gòn	65.884.900	231.626.175
- Hội chợ quà tặng và đồ gia dụng	-	811.569.550
- Hội chợ điện tử và thiết bị thông minh	-	707.394.550
- Hội chợ Ngũ Kim tại TP Hồ Chí Minh	62.559.000	72.059.000
- Khác	1.481.983.470	2.536.482.637
	9.047.276.385	7.539.733.840

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	39.414.622	-	3.019.076.982	2.098.039.247	206.766.839	1.088.389.952
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	392.145.822	3.720.201.058	1.688.244.616	-	2.424.102.264
- Thuế thu nhập cá nhân	-	15.110.186	644.779.526	319.184.542	-	340.705.170
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	237.213.260	237.213.260	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	80.280.156	80.280.156	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	121.487.691	121.487.691	-	-
	39.414.622	407.256.008	7.823.038.673	4.544.449.512	206.766.839	3.853.197.386

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	130.279.699	120.434.851
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.375.215.630	6.686.449.600
<i>Công ty Triển lãm Quốc tế Chan Chao - mượn tiền</i>	1.730.000.000	4.067.352.000
<i>Khách hàng trả trước không tham gia hội chợ, triển lãm</i>	-	1.589.097.600
<i>Khách hàng triển lãm Chiết Giang Trung Quốc tại Việt Nam - Khách hàng trả trước</i>	3.615.215.630	-
<i>Ông Vũ Hoàng - hợp tác kinh doanh</i>	1.030.000.000	1.030.000.000
	6.505.495.329	6.806.884.451

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	262.478.171	568.021.137
	262.478.171	568.021.137

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	1.393.690.815	27.866.411.504
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.494.361.608	1.494.361.608
Trích các quỹ	-	-	-	(1.339.464.773)	(1.339.464.773)
Giảm khác	-	-	-	(6.651.644)	(6.651.644)
Số dư cuối năm trước	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	1.541.936.006	28.014.656.695
Số dư đầu năm nay	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	1.541.936.006	28.014.656.695
Lãi trong năm nay	-	-	-	15.170.429.068	15.170.429.068
Chi cổ tức (i)	-	-	-	(1.224.948.000)	(1.224.948.000)
Trích các quỹ (i)	-	-	-	(262.761.965)	(262.761.965)
Thuế TNDN truy thu	-	-	-	(229.612.579)	(229.612.579)
Số dư cuối năm nay	12.249.480.000	520.000	14.222.720.689	14.995.042.530	41.467.763.219

(i) Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2022 của Công ty, thông qua phương án chia cổ tức và phân phối các quỹ như sau: Chia cổ tức 10% tương ứng số tiền 1.224.948.000 đồng và trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận còn lại của Công ty số tiền: 262.761.965 đồng.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	12.249.480.000	12.249.480.000
- Vốn góp cuối năm	12.249.480.000	12.249.480.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	1.224.948.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.224.948.000	-

c) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.224.948	1.224.948
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.224.948	1.224.948
- Cổ phiếu phổ thông	1.224.948	1.224.948
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.224.948	1.224.948
- Cổ phiếu phổ thông	1.224.948	1.224.948
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

d) Các quỹ của Công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	14.222.720.689	14.222.720.689
	14.222.720.689	14.222.720.689

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2022	01/01/2022
- Đô la Mỹ	USD	472.264,07	278.372,04
- Euro	EUR	24.316,11	10.681,14

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	141.933.363.368	22.557.205.616
	141.933.363.368	22.557.205.616

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	111.812.736.540	15.823.486.362
	111.812.736.540	15.823.486.362

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.402.955.383	930.215.590
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	230.727.159	18.493.146
	1.633.682.542	948.708.736

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	126.505.549
	-	126.505.549

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	12.031.556.557	4.356.393.550
Chi phí đồ dùng văn phòng	30.067.536	3.625.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	724.097.837	758.657.228
Thuế, phí, và lệ phí	247.454.452	282.043.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.184.769.948	457.012.446
Chi phí khác bằng tiền	439.238.182	430.086.960
	14.657.184.512	6.287.819.086

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Công nợ không phải trả (i)	1.674.501.137	357.594.000
Thu phạt hợp đồng kinh tế	68.073.000	15.660.000
Thu nhập khác	787.037	245.549.996
	1.743.361.174	618.803.996

(i) Các khoản công nợ không phải hoàn trả do khách hàng không tiếp tục thực hiện hợp đồng. Trong đó, khoản người mua trả tiền trước số tiền 1.589.097.600 VND phát sinh từ năm 2019 được Công ty ghi nhận vào thu nhập theo tờ trình và phê duyệt xử lý khoản nợ ngày 23/12/2022 của Công ty.

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	153.906.664	-
Chi phí khác	84.193.858	399.921
	238.100.522	399.921

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.602.385.510	1.886.507.430
Các khoản điều chỉnh tăng	553.027.308	914.534.158
- Khấu hao ô tô vượt 1,6 tỷ	81.360.000	81.360.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	126.505.549
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	235.000.000	-
- Khoản phạt và khoản khác không được trừ	236.667.308	706.668.609
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.995.630.610)	-
- Lãi chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(230.727.159)	-
- Thu nhập khác đã truy thu thuế 2021	(1.638.350.400)	-
- Lợi nhuận chuyển lỗ của chi nhánh	(126.553.051)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	17.159.782.208	2.801.041.588
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	3.431.956.442	560.208.318
Giảm thuế TNDN phải nộp theo nghị định 92/2021/NĐ-	-	(168.062.496)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	3.431.956.442	392.145.822

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.170.429.068	1.494.361.608
Các khoản điều chỉnh:	-	262.761.965
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	262.761.965
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.170.429.068	1.231.599.643
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.224.948	1.224.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.385	1.005

Công ty chưa có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu mới nên lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	13.369.042.507	4.356.393.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	724.097.837	758.657.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.946.537.246	12.845.957.710
Chi phí khác bằng tiền	686.692.634	4.150.296.960
	123.726.370.224	22.111.305.448

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp này.

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Khắc Luận	Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thu Hồng	Phó tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Khải	Phó tổng Giám đốc
Ông Phạm Đăng Khánh	Phó tổng Giám đốc

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.284.514.366	431.234.000
- Ông Nguyễn Khắc Luận	346.682.440	120.690.000
- Bà Nguyễn Thu Hồng	327.513.355	101.855.000
- Ông Đinh Văn Khải	321.388.572	110.068.000
- Ông Phạm Đăng Khánh	288.929.999	98.621.000

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Bùi Thu Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Tuyết Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Khắc Luận

